

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)

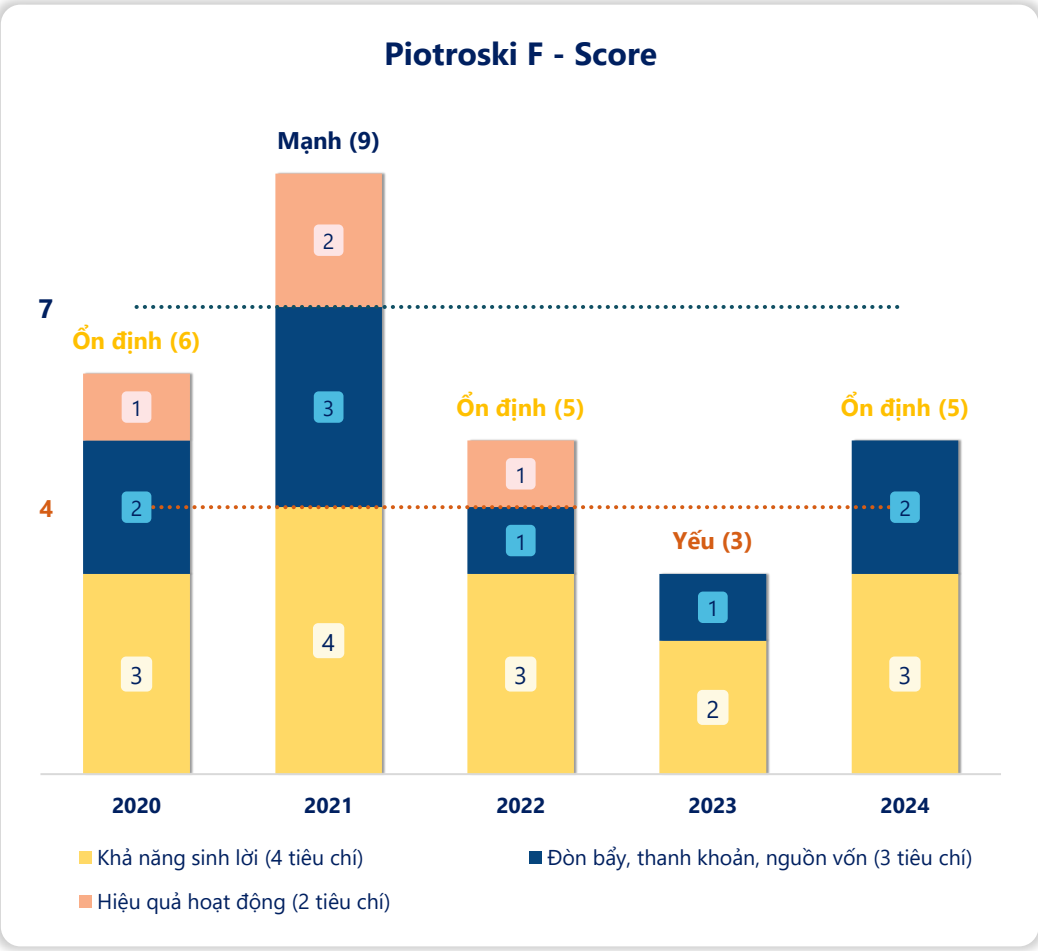
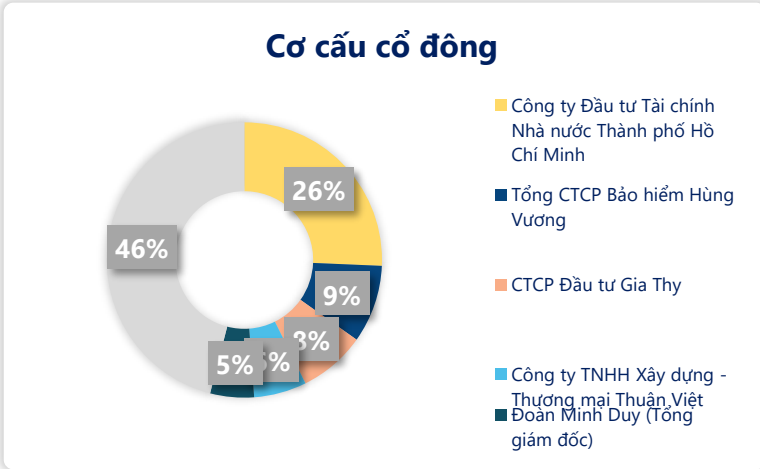
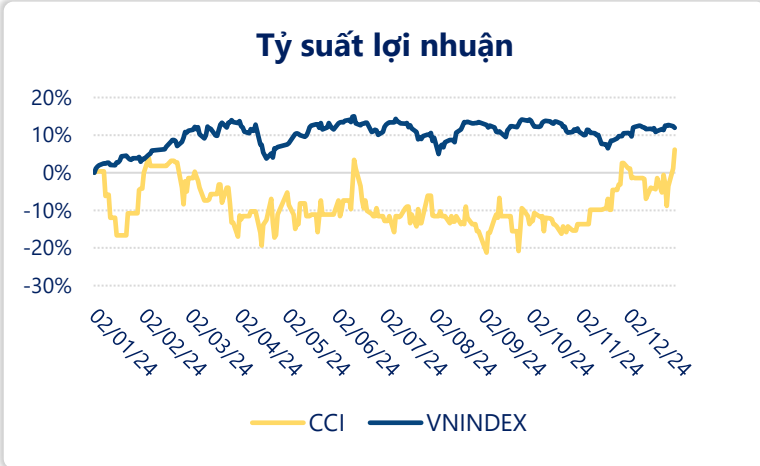
Bảng điểm Piotroski F-Score đánh giá sức khỏe tài chính của doanh nghiệp về tỷ suất lợi nhuận, cơ cấu vốn, tính thanh khoản và hiệu quả hoạt động. Thành phần của Piotroski F-Score gồm 9 chỉ tiêu tài chính, tương ứng với thang điểm từ 0 đến 9.

Ngày	25,200 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.7%	20.0%	26.0%

Sức mạnh tài chính	2024
Piotroski F - Score	5/9
2024	(Ổn định)

DT thuần	2024
424	YoY
tỷ VNĐ	▼ 1.00
	▼ 0.3%

LN sau thuế	2024
32.8	YoY
tỷ VNĐ	▲ 7.60
	▲ 30.5%

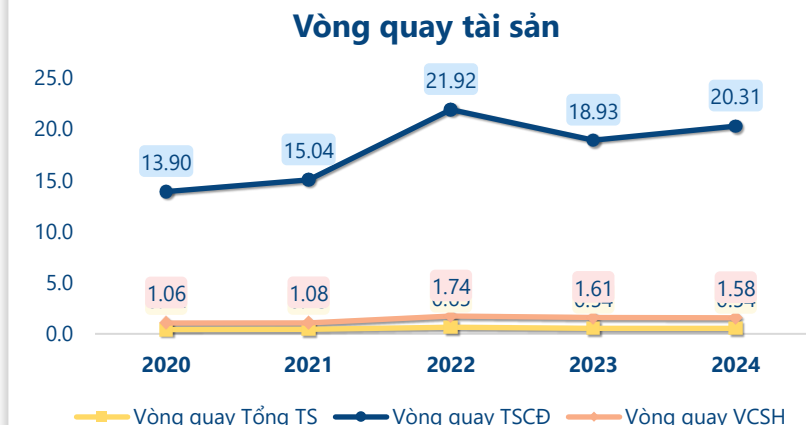
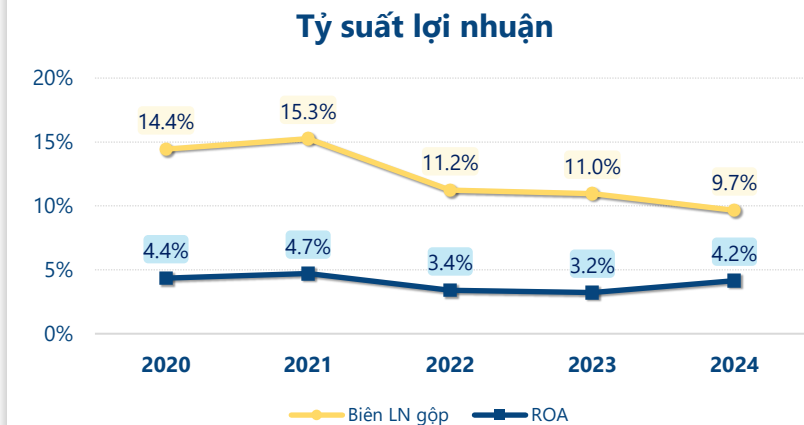
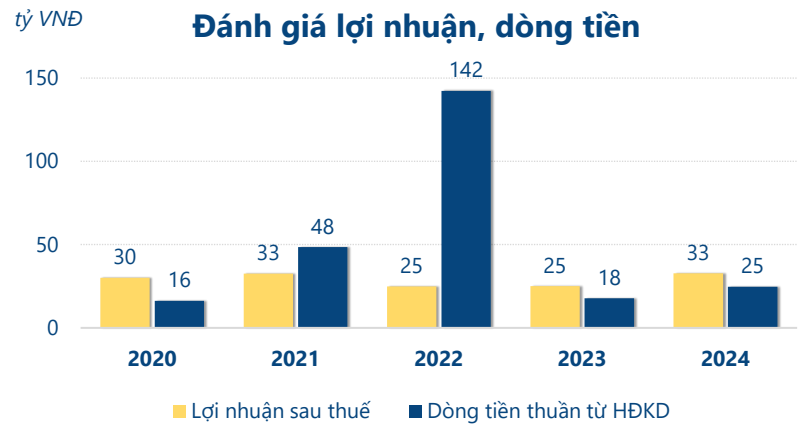


Năm 2024, F-Score của CCI đạt 5/9 cao hơn năm trước và sức khỏe tài chính được đánh giá tốt hơn, thuộc vùng "Ổn định".

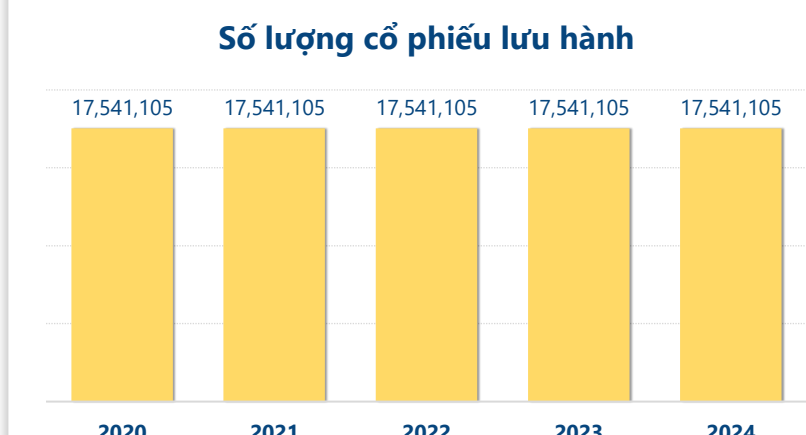
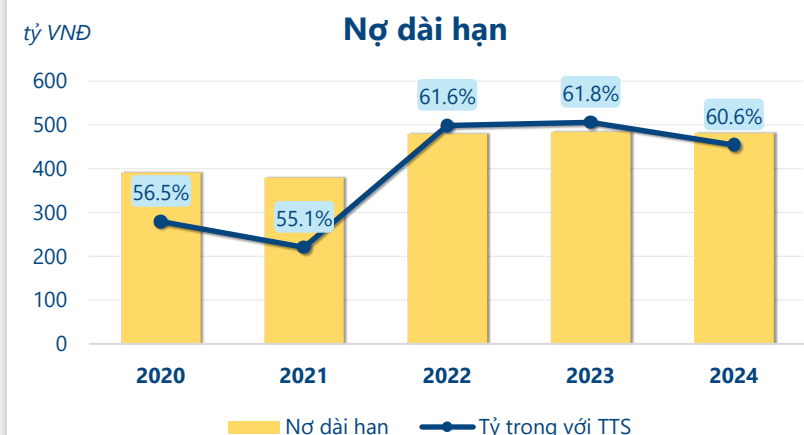
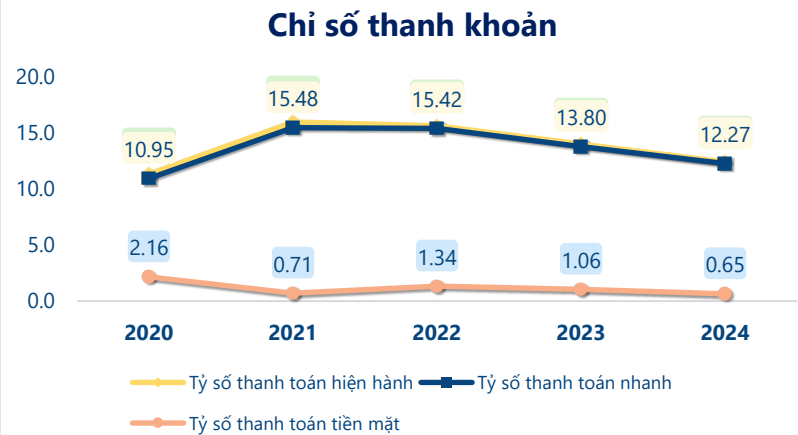
Trong đó, khả năng sinh lời được cải thiện tăng lên 3/4 điểm, các tiêu chí về: đòn bẩy, thanh khoản, nguồn vốn có cải thiện đạt điểm 2/3. Và tiêu chí về hiệu quả hoạt động, không đạt điểm nào cho thấy hiệu quả hoạt động của công ty chưa tốt.

Với F-Score ở mức ổn định cho thấy có một số yếu tố tích cực trong tình hình tài chính và hoạt động của công ty, nhưng vẫn còn một số yếu tố cần cải thiện để cải thiện sức khỏe tài chính và tăng cường hiệu quả hoạt động.

CTCP Đầu tư Phát triển Công nghiệp - Thương mại Củ Chi (HSX: CCI)



Xét các tiêu chí thành phần của **F-Score** năm **2024** của **CCI**: Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh nhỏ hơn lợi nhuận sau thuế cho thấy chất lượng lợi nhuận không được đánh giá cao nhưng 2 chỉ tiêu này đều dương nghĩa là công ty vẫn tạo ra lợi nhuận và có lượng tiền mặt để duy trì hoạt động. Sự tăng trưởng của ROA phản ánh công ty đang tạo ra lợi nhuận tốt hơn từ mỗi đơn vị tài sản sử dụng. Việc giảm tỷ lệ nợ dài hạn so với tổng tài sản thường phản ánh việc doanh nghiệp giảm bớt mức độ phụ thuộc vào nguồn vốn vay dài hạn. Sự suy giảm của tỷ số thanh toán hiện hành có thể gây lo ngại về khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, tuy nhiên cũng cần phân tích kỹ hơn để hiểu rõ nguyên nhân của sự suy giảm này. Không phát hành thêm cổ phiếu trong kỳ cho thấy sự ổn định trong quy mô vốn cổ phần, giúp duy trì tính hấp dẫn và niềm tin nhà đầu tư.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	795	784	1.4%
Tài sản ngắn hạn	504	481	4.7%
Tiền và tương đương tiền	26.3	36.4	-27.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	455	418	8.7%
Phải thu ngắn hạn	16.5	19.4	-14.8%
Hàng tồn kho	6.18	7.34	-15.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.08	0.13	-32.6%
Tài sản dài hạn	291	302	-3.7%
Phải thu dài hạn	0.19	0.58	-67.8%
Tài sản cố định	20.2	21.5	-6.3%
Bất động sản đầu tư	123	127	-3.2%
Tài sản dở dang	99.4	106	-6.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.5	32.5	0.0%
Tài sản dài hạn khác	15.7	14.4	8.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	522	519	0.7%
Nợ ngắn hạn	40.6	34.3	18.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.42	1.23	259%
Nợ dài hạn	482	484	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	273	265	2.9%
Vốn chủ sở hữu	273	265	2.9%
Vốn điều lệ	177	177	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	290	299	474	425	424
Giá vốn hàng bán	248	254	421	379	383
Lợi nhuận gộp	41.9	45.7	53.2	46.6	40.9
Doanh thu HĐTC	21.1	23.3	27.9	32.0	21.3
Chi phí TC	-0.61	0.06	23.3	10.7	-17.0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	13.9	15.1	15.7	19.0	14.0
Chi phí QLDN	11.8	13.1	11.5	17.3	23.4
LN thuần từ HĐKD	38.0	40.7	30.7	31.7	41.9
Lợi nhuận khác	0.00	0.08	0.05	0.04	-0.58
LN trước thuế	38.0	40.7	30.7	31.7	41.3
Lợi nhuận sau thuế	30.1	32.6	24.9	25.2	32.8
LNST của CĐ cty mẹ	30.1	32.6	24.9	25.2	32.8

LƯU CHUYỂN TIỀN 1 (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	16.2	48.5	142	17.8	24.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	30.0	-61.0	-83.1	-5.81	-11.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.0	-22.5	-34.4	-21.1	-23.0
Tiền đầu kỳ	22.6	55.8	20.7	45.5	36.4
Lưu chuyển tiền thuần	33.2	-35.1	24.8	-9.11	-10.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	55.8	20.7	45.5	36.4	26.3